

# TỪ KHÁI NIỆM HÀNH VI ĐẾN KHÁI NIỆM HÀNH VI PHẠM TỘI

*Đặng Thanh Nga \**

Hành vi và hành vi phạm tội là những thuật ngữ được dùng phổ biến trong khoa học pháp lý hình sự và khoa học tâm lý pháp lý. Việc làm rõ khái niệm hành vi và hành vi phạm tội có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ về mặt lý luận mà còn cả trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm.

1. Cho đến nay, xung quanh hành vi có nhiều quan điểm khác nhau. Khái niệm hành vi lần đầu tiên được J. B. Watson<sup>1</sup> đưa ra năm 1913. Khái niệm hành vi được xây dựng trên nền móng thực chứng luận và chỉ dựa trên những hiện tượng có thể quan sát được từ bên ngoài. Hành vi được xem như là tổng hợp các phản ứng của cơ thể trước các kích thích của môi trường bên ngoài theo công thức S – R. (Stimulant: Kích thích; Reaction: Phản ứng). Điều này có nghĩa là bất kỳ một hành vi nào của người và động vật đều diễn ra theo cơ chế: có kích thích thì có phản ứng chứ không liên quan gì tới ý thức, tới những yêu cầu và chuẩn mực của xã hội. Lý thuyết về hành vi của Watson đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong các nghiên cứu tâm lý học cuối thế kỷ XIX và cả thế kỷ XX. Thuyết hành vi mới của E.C.Tolman (1886 – 1959), C.L.Hull (1884 – 1952) và đỉnh cao là chủ nghĩa hành vi bảo thủ của B.F.Skinner (1904 – 1990) vẫn không thoát khỏi ảnh hưởng của những luận điểm có từ thời J.B.Watson<sup>2</sup>.

Trong Từ điển Tâm lý học do R.J.Corsini chủ biên có viết: “Hành vi là những hành động, phản ứng, những tương tác đáp lại kích thích bên trong và bên ngoài, bao gồm những cử chỉ

quan sát được một cách khách quan, những cử chỉ thuộc về nội tâm và những quá trình vô thức”<sup>3</sup>. Hành vi có hai phạm trù: hành vi hiện ra bên ngoài và hành vi diễn ra bên trong. Hành vi bộc lộ ra bên ngoài là những hành động mà người khác có thể quan sát trực tiếp được. Hành vi diễn ra bên trong đầu là những gì chúng ta làm mà người khác không thể quan sát trực tiếp được nhưng có thể nhận biết thông qua suy luận. Chủ nghĩa hành vi cổ điển chỉ quan tâm đến hành vi bộc lộ ra bên ngoài, bỏ qua những gì diễn ra bên trong đầu thuộc bình diện nhận thức. Tuy nhiên, chủ nghĩa hành vi hiện đại coi trọng cả hai phạm trù này.

Các nhà tâm lý học người Nga đã phê phán các luận điểm có khuynh hướng xoá nhòa ranh giới giữa hành vi của động vật với hành vi của con người vì chúng dẫn đến nhận thức sai lầm, lẫn lộn giữa sinh vật học với xã hội học và giữa sinh lý học với tâm lý học. Các tác giả của những luận điểm này cho rằng, cả ý thức và hành vi đều tồn tại khách quan, tham gia một cách tích cực vào quá trình tác động của con người đối với thế giới xung quanh. Chẳng hạn, L.X.Vugôtski cho rằng hành vi của con người và hành vi của động vật có cấu trúc hoàn toàn khác nhau. Ở động vật, các dạng hành vi chủ yếu được hợp thành bởi hai nhóm phản ứng. Đó là nhóm phản ứng bẩm sinh (vô điều kiện) và nhóm tập nhiễm (có điều kiện). Ví dụ: vịt biết bơi, mèo bắt chuột là thuộc nhóm phản ứng bẩm sinh. Nhóm phản ứng tập nhiễm là nhóm hành vi được hình thành trong cuộc sống cá thể. Ví dụ: việc tiết nước bọt ở chó để chờ được ăn theo kiểu như I.P.Pavlov đã làm<sup>4</sup>. Nói cách khác, hành vi của động vật có thể coi là hành vi

\* Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật Hình sự - Trường Đại học Luật Hà Nội

<sup>1</sup> Watson J.B - Nhà tâm lý học nổi tiếng người Mỹ. Ông đã đề xướng ra chủ nghĩa hành vi thống trị trong các nghiên cứu về tâm lý trong suốt thế kỷ 20.

<sup>2</sup> Xem: Phạm Minh Hạc, Tuyển tập tâm lý học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 141 – 148.

<sup>3</sup> Xem: R.J.Corsini, The Dictionary of Psychology, Brunner/Mazel, Taylor and Francis Group 1999, tr.99.

<sup>4</sup> Xem: Nguyễn Ngọc Phú, Lịch sử tâm lý học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội 2004, Tr. 212.

kinh nghiệm di truyền (di truyền kinh nghiệm cá thể). Ở con người, cấu trúc hành vi bao gồm kinh nghiệm lịch sử, kinh nghiệm xã hội và kinh nghiệm kép. Kinh nghiệm lịch sử là kinh nghiệm được các thế hệ đi trước truyền lại cho thế hệ sau, nhưng không theo con đường di truyền sinh vật và có thể gọi là “di truyền xã hội”. Kinh nghiệm xã hội được hiểu là những tri thức nhận được từ người khác cùng sống, cùng hoạt động truyền lại cho nhau. Đây là một trong những thành phần rất quan trọng trong hành vi của con người. Nó chính là thành phần xã hội của hành vi con người. Kinh nghiệm kép là kinh nghiệm được hình thành trong hoạt động lao động thực tiễn của con người. Có nghĩa là khi con người tham gia vào hoạt động lao động thực tiễn, lặp lại lao động ở chân tay và biến đổi vật liệu theo một biểu tượng đã được hình thành trong óc của mình từ trước<sup>5</sup>. Các kinh nghiệm này có điểm chung là nội dung của chúng đều xuất phát từ quá trình lao động, từ quá trình truyền đạt kinh nghiệm từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ người này tới người khác, và từ việc mỗi người lĩnh hội các kinh nghiệm. Đương nhiên quá trình này không thể thực hiện được nếu không có tâm lý và ý thức giữ chức năng định hướng và tích cực hoá. Vì vậy, Vugôtski viết: “ý thức hoá ra là một cấu trúc rất phức tạp của hành vi, nếu nói riêng, thì là cấu trúc rất phức tạp của quá trình phân đôi của hành vi. Hành vi được hiểu ngầm là hoạt động của con người. Và cả ý thức với tư cách là một bộ phận cấu thành của hành vi, ý thức được coi là một thực tại khách quan có chức năng điều chỉnh đối với hành vi, và cùng hành vi, ý thức là một thành phần của hoạt động”<sup>6</sup>. X.L.Rubinstein thì cho rằng hành vi là hoạt động đặc biệt. Hoạt động chuyển thành hành vi chỉ khi mà động lực hoạt động từ bình diện đối tượng chuyển sang quan hệ cá nhân – xã hội<sup>7</sup>, còn A.N.Leonchiev khẳng định hành vi không phải là những phản ứng máy móc của một cơ thể sinh vật, mà hành

vi phải được hiểu là hoạt động<sup>8</sup>.

Từ điển Tâm lý học do A.V.Pétrovski và M.G.Iarôsevski chủ biên định nghĩa “Hành vi là sự tác động qua lại giữa cơ thể sống, thông qua hoạt tính bên ngoài (vận động) và bên trong (tâm lý). Thuật ngữ hành vi được sử dụng để chỉ hành vi của các cá thể riêng lẻ, các cá nhân cũng như của nhóm, loài (hành vi của một loài sinh vật, hay một nhóm xã hội)”. Trong tâm lý học Nga, hành vi của con người được xem như hoạt động, tuy ít nhiều mang những yếu tố bẩm sinh, nhưng chủ yếu chịu sự chi phối từ phía xã hội thông qua ngôn ngữ và các hệ thống tín hiệu ý nghĩa khác<sup>9</sup>.

J.Piaget nhà tâm lý học người Thụy Sĩ lại nhấn mạnh tính tích cực của hành vi con người và cho rằng hành vi – đó còn là sự tìm kiếm những hoàn cảnh hay đối tượng còn thiếu hoặc chưa tồn tại... hành vi được hiểu là tính tích cực có định hướng<sup>10</sup>.

Ở Việt Nam hiện nay khi bàn đến khái niệm hành vi cũng có những ý kiến khác nhau. Có tác giả cho rằng, hành vi là một bộ phận của hoạt động và luôn được điều khiển bởi ý thức. “Hành vi là những biểu hiện chỉ một bộc lộ ra bên ngoài của hoạt động và bao giờ cũng gắn liền với động cơ, mục đích”<sup>11</sup>. Tác giả khác cũng cho rằng, hành vi là bộ phận của hoạt động nhưng hành vi có thể có ý thức và có thể không có ý thức, nhưng điều quan trọng là hành vi phải mang tính ý nghĩa xã hội. “Hành vi là những biểu hiện bên ngoài của các quá trình sinh lý của hoạt động. Nó gắn với động cơ, nhu cầu và có ý nghĩa xã hội nhất định”<sup>12</sup>. Còn một số tác giả khác lại cho rằng hành vi là tất cả những phản ứng của con người. Những phản

<sup>8</sup> Xem: Phạm Minh Hạc, Sđd.

<sup>9</sup> Xem: Петровский А. В. и Ярошевский М. Г. Краткий словарь, Издательство Политической литературы, Москва.1985, tr.224

<sup>10</sup> Xem: Пиаже Ж.Фресс. П, Экспериментальная психология, Том 5, Москва 1975.

<sup>11</sup> Xem: Phạm Minh Hạc, Sđd.

<sup>12</sup> Xem: Nguyễn Thị Hoa, ảnh hưởng của nhóm không chính thức tiêu cực đối với hành vi vi phạm pháp luật của trẻ em vị thành niên, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Chiến lược và chương trình giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.40.

<sup>5</sup> Xem: L.X.Vugôtski, Tuyển tập tâm lý học, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội 1997, Tr. 64.

<sup>6</sup> Xem: Phạm Minh Hạc Sđ d, tr. 228 –230.

<sup>7</sup> Xem : Славарь психологии и практики, “Харвест”, Минск 2001.

ứng đó bao gồm cả những phản ứng máy móc, vô thức và cả những phản ứng có ý thức. “Hành vi là toàn bộ nói chung những phản ứng, cách cư xử biểu hiện ra ngoài của một người trong một hoàn cảnh cụ thể nhất định”<sup>13</sup>. “Hành vi là cách ứng xử trong một hoàn cảnh nhất định được biểu hiện bằng lời nói, cử chỉ nhất định”<sup>14</sup>. “Hành vi được hiểu là hành vi xã hội, là cách ứng xử của một người trong một hoàn cảnh cụ thể được biểu hiện ra bên ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhất định”<sup>15</sup>.

Như vậy, về khái niệm hành vi chưa có một quan niệm thống nhất, bởi mỗi tác giả khi đưa ra khái niệm hành vi đã nhìn nhận, nghiên cứu hành vi ở những góc độ khác nhau. Do đó, có những định nghĩa mở rộng khái niệm hành vi và cho rằng, hành vi là tất cả mọi phản ứng của con người (cả những phản ứng vô thức và có ý thức). Ngược lại, có những định nghĩa thu hẹp khái niệm hành vi và cho rằng hành vi phải là những phản ứng có ý thức, được điều khiển bởi ý thức. Có những ý kiến lại khẳng định hành vi là hoạt động. Bên cạnh đó lại có những ý kiến quan niệm hành vi chỉ là một bộ phận cấu thành hoạt động. Trên cơ sở các quan điểm của các nhà nghiên cứu, chúng tôi cho rằng, cuộc sống của con người mà cụ thể là thái độ của con người đối với các chuẩn mực đạo đức, pháp luật và các phong tục tập quán, truyền thống luôn được biểu hiện thông qua các hành vi. Căn cứ vào hành vi mà có thể phán đoán về các đặc điểm nhân cách của chủ thể. Biểu hiện đặc trưng của hành vi ở con người là các cách xử sự của họ trước những hoàn cảnh cụ thể. Cách xử sự theo nghĩa đích thực của nó không phải là bất cứ hành động nào của con người mà chỉ là những hành động có ý thức thể hiện thái độ của họ đối với người khác, đối với xã hội và đối với các chuẩn mực đạo đức của xã hội. Cách xử sự

thể hiện đặc tính xã hội của hành vi. Những hành vi thường ngày của con người không có ý nghĩa xã hội thì không phải là cách xử sự. Cách xử sự là những thao tác của hành vi được xã hội đánh giá là tích cực hoặc tiêu cực (trong đó có sự đánh giá của pháp luật). Khi gọi hành vi là cách xử sự thì cần phải hiểu rằng ý nghĩa của nó không chỉ đơn giản về mặt kỹ thuật (thao tác) mà nó đã thể hiện được nội dung xã hội<sup>16</sup>. Xử sự của con người tuy chịu sự tác động của hoàn cảnh, nhưng không phải phụ thuộc một cách thụ động hoàn toàn vào hoàn cảnh đó. Hành vi là kết quả của sự phối hợp tác động qua lại giữa yếu tố con người và yếu tố hoàn cảnh. Trong mối quan hệ tương hỗ giữa con người và hoàn cảnh thì con người vừa là chủ thể tác động, vừa chịu sự tác động của hoàn cảnh. Như C.Mác đã nhận định rằng, trong một chừng mực con người tác động bao nhiêu lên hoàn cảnh thì nó cũng chịu sự tác động của hoàn cảnh bấy nhiêu. Xuất phát từ lý luận nhân thức của Lênin, nhà tâm lý học người Nga X.L.Rubinstêin đưa ra luận điểm: Các tác động bên ngoài qui định cả chính bản thân bên trong của vật thể và hiện tượng. Mặt khác, mọi sự tác động của hiện tượng lên một hiện tượng khác đều bị khúc xạ bởi các thuộc tính bên trong của hiện tượng bị tác động. Nói cách khác, luận điểm này có thể diễn đạt như sau: “Mọi sự tác động đều là tác động qua lại, các nguyên nhân bên ngoài tác động thông qua các điều kiện bên trong”<sup>17</sup>. Điều này cho thấy các nguyên nhân bên ngoài tác động vào con người không phải theo con đường thẳng, một cách trực tiếp, máy móc, mà gián tiếp qua hoạt động phản xạ của não, thông qua sự nhận thức và sự quyết định lựa chọn của họ. Như vậy, con người không chỉ thích nghi một cách thụ động với hoàn cảnh mà luôn là chủ thể tích cực của hoạt động, tác động một cách có ý thức nhằm cải tạo hoàn cảnh và điều chỉnh bản thân mình trong hoạt động sống. Do đó, trong những hoàn cảnh giống nhau, nhưng ở mỗi người lại có thể lựa chọn cho mình cách xử sự khác nhau.

<sup>13</sup> Xem: Hoàng Phê, Từ điển tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng 1997, tr. 407

<sup>14</sup> Xem: Nguyễn Như Ý, Đại Từ điển tiếng Việt, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, tr.781.

<sup>15</sup> Xem: Lưu Song Hà, Hành vi lệch chuẩn của học sinh trung học cơ sở và mối tương quan giữa nó với kiểu quan hệ cha mẹ - con cái, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, Hà Nội, 2005.

<sup>16</sup> Xem: Курьявлев В.Н. Закон, поступок, ответственность, Издательство Наука, Москва 1986, tr.135.

<sup>17</sup> Xem: Phạm Minh Hạc, Sđd, tr.256.

Từ việc phân tích trên, chúng tôi cho rằng: Hành vi là cách xử sự của con người trong một hoàn cảnh cụ thể được biểu hiện ra bên ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhất định. Tuy nhiên, cách xử sự của con người trong những hoàn cảnh và điều kiện cụ thể đó có thể được kiểm duyệt bởi ý thức (hành vi có ý thức), nhưng cũng có thể không được kiểm duyệt bởi ý thức (hành vi vô thức). Như vậy, khi nói đến hành vi của con người là bao gồm cả hành vi có ý thức và hành vi vô thức.

2. Hành vi phạm tội là một dạng hành vi và cũng có đầy đủ các yếu tố cấu thành của hành vi. Do đó, khi xây dựng khái niệm hành vi phạm tội, khoa học pháp lý xuất phát từ những nguyên lý cơ bản của các học thuyết hành vi để cụ thể hoá vào hoàn cảnh tiêu cực (xu hướng chống đối xã hội và phương thức thực hiện mục đích) và hậu quả tiêu cực cho xã hội mà một người nào đó đã gây ra. Xu hướng chống đối xã hội của hành vi phạm tội được biểu hiện rõ khi phân tích quá trình hình thành động cơ, đề ra mục đích, quyết định thực hiện hành vi cũng như sự lựa chọn phương thức nhằm đạt mục đích đã đề ra và sự thay đổi ý định phạm tội trong quá trình thực hiện tội phạm với các hình thức lỗi khác nhau. Trên cơ sở các học thuyết về hành vi, các nhà tâm lý học pháp lý người Nga M.I.Enhikev và A.V. Xakharov cho rằng, hành vi phạm tội là hành vi có lý trí, có ý chí, nguy hiểm cho xã hội, trái với pháp luật và phải chịu hình phạt<sup>18,19</sup>. Còn theo Iu.V. Trupharovski thì hành vi phạm tội là một hành động có động cơ, có định hướng, có ý thức và được điều khiển chống đối pháp luật để đạt một mục đích nhất định và hành động đó không thể chia nhỏ được nữa<sup>20</sup>.

Ở Việt Nam, các nhà khoa học pháp lý hình sự và những nhà tâm lý học pháp lý cũng có một số quan điểm khác nhau về khái niệm hành vi phạm tội. “Hành vi phạm tội là hành vi hoàn chỉnh gồm cả mặt khách quan và chủ quan thoả mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm”<sup>21</sup>. Hoặc: “hành vi phạm tội là những hành vi chệch hướng – xã hội, vi phạm các quy phạm pháp luật đến mức phải xử lý bằng hình phạt”<sup>22</sup>.

Như vậy, về khái niệm hành vi phạm tội, hiện nay còn có nhiều quan điểm khác nhau. Nhưng theo chúng tôi, khi xem xét một hành vi nào đó có phải là hành vi phạm tội hay không thì cần phải dựa vào những dấu hiệu sau đây:

*Thứ nhất*, hành vi bị coi là hành vi phạm tội khi hành vi đó phải có tính nguy hiểm cho xã hội. Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi được thể hiện ở chỗ, cách ứng xử cụ thể của con người được thể hiện ra bên ngoài dưới những hình thức nhất định, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Đây là một trong những căn cứ để phân biệt hành vi phạm tội với những hành vi vi phạm pháp luật khác.

*Thứ hai*, dưới góc độ khoa học luật hình sự, hành vi phạm tội được biểu hiện ra bên ngoài bằng hình thức hành động hoặc không hành động<sup>23</sup>. Hành vi phạm tội được biểu hiện dưới hình thức hành động tức là chủ thể làm một việc mà pháp luật hình sự cấm, làm thay đổi trạng thái bình thường của đối tượng tác động của tội phạm qua đó gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Hành động phạm tội có thể chỉ đơn giản là một thao tác xảy ra một lần trong thời gian ngắn, hoặc có thể là tổng hợp các thao tác khác nhau, hoặc có thể lặp đi lặp lại trong một khoảng thời gian dài. Ví dụ: hành vi cướp giật tài sản, hành vi trộm cắp tài

<sup>18</sup> Xem: Еникеев М. И. Основы общей и юридической психологии, Издательство Юристъ, Москва 1996, tr.323.

<sup>19</sup> Xem: Сахаров А. В. О личности преступника и причинах преступности в СССР, Государственное издательство юридической литературы, Москва 1961, tr.29.

<sup>20</sup> Xem: Чуфаровский Ю. В, Юридическая психология, Издательство Правда и закон, Москва 1997, tr.175.

<sup>21</sup> Xem: Nguyễn Ngọc Hoà (Chủ biên), Từ điển giải thích luật học – Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, NXB Công an nhân dân, Hà Nội 1999, tr.60.

<sup>22</sup> Xem: Một số vấn đề Tâm lý học nghiệp vụ cảnh sát nhân dân, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội 1999, tr.25.

<sup>23</sup> Xem: Романов В. В, Юридическая психология, Издательство Юристъ, Москва 1999, tr.251.

sản, hành vi hiếp dâm... Hành vi phạm tội biểu hiện dưới hình thức không hành động. Không hành động là sự kiềm chế của chủ thể trước một hành động nào đó trong một hoàn cảnh cụ thể. Nếu như sự kiềm chế này thể hiện được quan điểm, thái độ của chủ thể đối với các sự việc, hiện tượng đang diễn ra. Như chủ thể không làm một việc mà pháp luật hình sự yêu cầu phải làm mặc dù người đó có nghĩa vụ và điều kiện để làm, làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động, qua đó gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Ví dụ: hành vi không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 102 BLHS 1999); hành vi không tố giác tội phạm (Điều 314 BLHS 1999) ...

*Thứ ba*, hành vi phạm tội là hành vi có lý trí và có ý chí. Cách xử sự của con người, xét theo quan niệm của luật hình sự phải có sự tham gia của lý trí và ý chí tức là chủ thể phải nhận thức và điều khiển được cách xử sự đó. Những xử sự của con người biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan nhưng không được chủ thể nhận thức và điều khiển, hoặc chủ thể nhận thức được nhưng không điều khiển được thì không có ý nghĩa trong luật hình sự. Những cách xử sự loại này có thể là những cách xử sự không có chủ định như: hành động bản năng (những hành động được hình thành bởi những kích thích tác động trực tiếp đến cơ thể được thực hiện ngoài sự kiểm soát của ý thức), hành động phản xạ (là những hành động thực hiện như phản ứng mà không cần có sự kiểm soát của ý thức), hành động xung động (những hành động không được ý thức một cách đầy đủ, nó được kích thích bởi nhu cầu đang được thể nghiệm một cách trực tiếp, dưới ảnh hưởng trực tiếp của hoàn cảnh. Trong hành động này, con người không hề suy nghĩ gì về hành động của mình, không cân nhắc “nên” hay “không nên”, họ phản ứng một cách nhanh chóng và trực tiếp). Những hành động như đã nói trên, thực tế đã gây ra những thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ nhưng không phải là hành vi phạm tội, bởi vì những hành động này không phải là kết quả của sự nhận thức (lý trí) và sự

điều khiển (ý chí) của chính họ mà là kết quả trực tiếp của sự tác động từ bên ngoài. Xét về mặt lý luận, mỗi con người bình thường đều có khả năng hình thành và phát triển năng lực nhận thức ý nghĩa xã hội của hành vi mà mình thực hiện cũng như năng lực điều khiển hành vi đó trên cơ sở của sự nhận thức cho phù hợp với những đòi hỏi tất yếu của xã hội. Tuy nhiên, không phải khi sinh ra con người đã có những năng lực đó, mà những năng lực này chỉ hình thành và phát triển khi con người đạt đến một độ tuổi nhất định, đồng thời phải thông qua một quá trình hoạt động, giáo dục trong điều kiện xã hội. Dựa trên cơ sở này, Điều 12 BLHS 1999 qui định: “Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”. Bên cạnh đó, có những trường hợp dù con người đã đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhưng do bệnh tật mà hoạt động của hệ thần kinh ở họ bị rối loạn nên họ hoàn toàn không có khả năng nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình. Vì vậy, họ không có khả năng điều khiển được hành vi đó. Trong Luật Hình sự, những người này được gọi là những người ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự. Khoản 1, Điều 13 BLHS 1999 qui định: Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, nếu một hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bởi một người không có khả năng nhận thức hoặc có khả năng nhận thức nhưng không có khả năng điều khiển được hành vi của mình vì nhiều lý do khác nhau thì không bị coi là hành vi phạm tội.

Từ những nội dung phân tích ở trên, chúng ta có thể đưa ra khái niệm hành vi phạm tội: hành vi phạm tội là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, có lý trí, có ý chí và được thể hiện ra bên ngoài bằng hình thức hành động hoặc không hành động.